



Số: ~~71~~71/STNMT-BVMT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 7 năm 2020

V/v đề nghị thực hiện công tác
bảo vệ môi trường theo quy định
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và
Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Công văn số 3178/BTNMT-TCMT ngày 16 tháng 6 tháng 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm soát, truyền nhận số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục;

Căn cứ Công văn số 3005/BTNMT-TCMT ngày 05 tháng 6 tháng 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 3474/VP-KTCN ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, rà soát; căn cứ đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3005/BTNMT-TCMT làm căn cứ triển khai thực hiện theo quy định. Để thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung và công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp nói riêng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thực hiện một số nội dung như sau:

I. Đối với việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:

1. Công trình xử lý chất thải của dự án phải được vận hành thử nghiệm để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về chất thải là các công trình, thiết bị xử lý: nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại (sau đây gọi chung là công trình xử lý chất thải).

Các công trình bảo vệ môi trường khác bao gồm: Các công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn nguy hại; các công trình bảo vệ môi trường không phải là công trình xử lý chất thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ dự án thuộc đối tượng phải đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình xử lý chất thải chỉ được đưa vào vận hành thử nghiệm đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

b) Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật;

c) Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

d) Có hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải;

đ) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường) nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

II. Đối với việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

1. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Các dự án không thuộc đối tượng trên không phải thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Chủ dự án phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải (nếu có), bảo đảm các nguồn chất thải trước khi thải ra môi trường phải đạt quy

theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP và có quy mô xả thải từ 500 m³/ngày (24 giờ) trở lên tính theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải;

c) Cơ sở xử lý chất thải nguy hại, cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung quy mô cấp tỉnh và cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất có phát sinh nước thải công nghiệp hoặc nước rỉ rác ra môi trường, thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c trên, có quy mô xả thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên tính theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải;

đ) Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;

e) Các đối tượng khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục trên phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 31 tháng 12 năm 2020**. Các dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục đang triển khai xây dựng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi đưa dự án vào vận hành.

3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

V. Quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục khẩn trương thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục đúng theo quy định tại Khoản 23, Điều 3, Nghị định 40/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục bao gồm:

a) Dự án, cơ sở thuộc danh mục các nguồn thải khí thải lưu lượng lớn quy định tại Phụ lục I Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP;

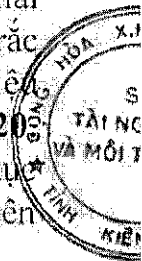
b) Các lò đốt chất thải nguy hại; các lò đốt chất thải của cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung quy mô cấp tỉnh;

c) Khí thải của các cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;

đ) Các đối tượng khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục trên phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền



số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2020. Các dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục đang triển khai xây dựng, phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục trước khi đưa dự án vào vận hành.

3. Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Trong thời gian tới, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Kiên Giang; chỉ cho phép chủ dự án đưa công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm sau khi đã đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; tổ chức kiểm tra đột xuất ít nhất 01 lần và lấy mẫu đối chứng trong giai đoạn vận hành ổn định của các công trình, thiết bị xử lý chất thải theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT nêu trên.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua: Chi cục Bảo vệ môi trường - số 1226A, đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Điện thoại: 02973.963636 hoặc 0919.540.888 (đồng chí Nguyễn Thuận Hòa)) để được hướng dẫn.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng nội dung Công văn này. *phl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- GD và các PGĐ Sở TN&MT;
- UBND các huyện và thành phố;
- Phòng TN&MT các huyện và thành phố (để p/h);
- Lưu: VT, CCBVMT, nthoa. *phl*

GIÁM ĐỐC



Người ký: Sở Tài nguyên và Môi trường
Email: stnmt@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 22.07.2020
10:51:57 +07:00

Nguyễn Xuân Lộc

chuẩn kỹ thuật môi trường và thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành.

2. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường được chủ dự án gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, gồm:

a) 01 văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

b) 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, chủ dự án phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm để phục vụ công tác kiểm tra;

c) 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

d) 01 văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường) thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

II. Đối với báo cáo công tác bảo vệ môi trường:

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (*bao gồm báo cáo quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý phế liệu nhập khẩu, kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản*) theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 40 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

1. Nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT.

2. Lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra.

3. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo gửi đến các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo lần đầu được gửi trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

Lưu ý: Đối với các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã thực hiện báo cáo giám sát môi trường quý 1 và quý 2 năm 2020 gửi cơ quan nhà nước có thẩm

quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh) thì đề nghị lồng ghép, cập nhật số liệu đã thực hiện quan trắc vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Gửi báo cáo tới các cơ quan như sau:

- Cơ quan đã phê duyệt, xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ về môi trường tương đương của dự án, cơ sở;

- Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi dự án, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).

III. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đang hoạt động thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP, hệ thống xử lý nước thải (không bao gồm cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) nếu không có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 19, Điều 3 Nghị định 40/2019/NĐ-CP (cụ thể Khoản 6 Điều 37) thì phải khẩn trương xây dựng kế hoạch xây lắp gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi hoàn thành, phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, **hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.**

Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT.

IV. Quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục khẩn trương thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục đúng theo quy định tại Khoản 20, Điều 3, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (trừ các trường hợp: cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở có hệ thống xử lý nước thải vệ sinh bồn bể định kỳ tách riêng với hệ thống xử lý nước thải, cơ sở có nước làm mát không sử dụng chlorine hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật và cơ sở có nước tháo khô mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi), bao gồm:

a) Khu công nghiệp, cơ sở nằm trong khu công nghiệp nhưng được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm